

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 8.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

28.04.2022

Ngày in 09.09.2022

theo quy định (EC) số 1907/2006

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

## Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

## 1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm	:	Bromophenol Blue
Số sản phẩm	:	B0126
Nhãn hiệu	:	Sigma-Aldrich
REACH số	:	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	:	115-39-9

## 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo : Các hoá chất phòng thí nghiệm, Sản xuất hóa chất

## 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	:	Sigma-Aldrich Pte Ltd (Co. Registration No. 199403788W) 2 Science Park Drive #05-01/12 Ascent Building SINGAPORE 118222 SINGAPORE
Điện thoại	:	+65 6890 6633
Fax	:	+65 6890 6639
Địa chỉ e-mail	:	TechnicalService@merckgroup.com



## 1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : 1-800-262-8200

---

## Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Không phải là chất hoặc hỗn hợp nguy hại theo quy định (EC) số 1272/2008.

### 2.2 Các yếu tố nhãn

Không phải là chất hoặc hỗn hợp nguy hại theo quy định (EC) số 1272/2008.

### 2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

---

## Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

Tên thông thường : Bromphenol Blue Sultone Form  
3',3'',5',5''-Tetrabromophenolsulfonephthalein

Công thức :  $C_{19}H_{10}Br_4O_5S$

Trọng lượng phân tử : 669.96 g/mol

Số CAS : 115-39-9

Số EC : 204-086-2

Không có thành phần cần được liệt kê dựa trên quy định hiện hành

---

## Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

#### Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Nếu hít phải, chuyển nạn nhân ra chỗ không khí trong lành. Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo.

#### Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.



#### **Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt**

Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.

#### **Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa**

Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Xúc miệng bằng nước.

#### **4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này**

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.

#### **4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt**

chưa có dữ liệu

---

### **Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa**

#### **5.1 Các phương tiện chữa cháy**

##### **Các phương tiện chữa cháy thích hợp**

Dùng bụi nước, bọt chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.

#### **5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp**

Carbon ôxít

Ôxít lưu huỳnh

Khí hydro bromua

#### **5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa**

Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

#### **5.4 Thông tin khác**

chưa có dữ liệu

---

### **Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**

#### **6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố**

Tránh tạo ra bụi. Tránh hít phải hơi, hơi sương hoặc khí.

Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

#### **6.2 Các cảnh báo về môi trường**

Không có yêu cầu đặc biệt nào về mặt an toàn môi trường.

#### **6.3 Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố**

Quét và dọn sạch bằng xẻng. Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.



## 6.4 Xem các mục khác

Để xử lý, xem phần 13.

---

## Phần 7: Xử lý và lưu trữ

### 7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

#### Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.

#### Các biện pháp vệ sinh

Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.

### 7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

#### Điều kiện lưu trữ

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Lưu trữ ở nơi có nhiệt độ mát.

#### Lớp cất giữ

Lớp lưu trữ của Đức (TRGS 510): 13: Chất rắn Không Cháy

### 7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

---

## Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

#### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

##### Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU).

##### Bảo vệ da

Đeo găng tay khi xử lý. Găng tay phải được kiểm tra trước khi sử dụng. Sử dụng kỹ thuật tháo găng tay đúng cách (không chạm vào bề mặt bên ngoài của găng tay) để tránh da tiếp xúc với sản phẩm này. Vứt bỏ găng tay nhiễm bẩn sau khi sử dụng theo luật pháp hiện hành và thực hành tốt trong phòng thí nghiệm. Rửa và lau khô tay.



Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó.

liên hệ đầy đủ

Vật liệu: Cao su nitrile

Độ dày lớp tối thiểu 0.11 mm

Thời gian thấm: 480 min

vật liệu được thử nghiệm Dermatril® (KCL 740 / Aldrich Z677272, Cỡ M)

tiếp xúc phun

Vật liệu: Cao su nitrile

Độ dày lớp tối thiểu 0.11 mm

Thời gian thấm: 480 min

vật liệu được thử nghiệm Dermatril® (KCL 740 / Aldrich Z677272, Cỡ M)

nguồn dữ liệu: KCL GmbH, D-36124 Eichenzell, điện thoại +49 (0)6659 87300, email sales@kcl.de, phương thức thử nghiệm: EN374

Nếu dùng trong dung dịch hay trộn với các chất khác, và trong các điều kiện khác với EN 374, hãy liên hệ với nhà cung cấp găng tay đạt tiêu chuẩn EC. Khuyến cáo này chỉ mang tính chất tư vấn và phải được đánh giá bởi chuyên gia vệ sinh công nghiệp và chuyên viên an toàn nắm rõ tình hình cụ thể về việc sử dụng dự kiến của khách hàng chúng tôi. Khuyến cáo này không phải là phê duyệt cho bất kỳ tình huống sử dụng cụ thể nào.

### **Bảo vệ cơ thể**

Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể., Loại thiết bị bảo hộ phải được lựa chọn tương ứng với nồng độ và số lượng chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

### **Bảo vệ hô hấp**

Không cần bảo vệ đường hô hấp. Trong trường hợp cần bảo vệ khỏi các mức độ gây khó chịu của bụi, hãy sử dụng khẩu trang chống bụi loại N95 (Hoa Kỳ) hoặc loại P1 (EN 143). Sử dụng mặt nạ và các thành phần được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc CEN (EU).

### **Kiểm soát việc phơi nhiễm môi trường**

Không có yêu cầu đặc biệt nào về mặt an toàn môi trường.

---

## **Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học**

### **9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

a) Trạng thái vật lý                      bột





---

## Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

chưa có dữ liệu

### 10.2 Tính ổn định

Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

### 10.3 Phản ứng nguy hiểm

chưa có dữ liệu

### 10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt

### 10.5 Vật liệu không tương thích

Các chất oxy hóa mạnh

### 10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

xem phần 5 Trong trường hợp hỏa hoạn: xem phần 5

---

## Phần 11: Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

#### **Độc cấp tính**

Đường miệng: chưa có dữ liệu

Hít phải: chưa có dữ liệu

Da: chưa có dữ liệu

#### **Ăn mòn/kích ứng da**

chưa có dữ liệu

#### **Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

chưa có dữ liệu

#### **Kích thích hô hấp hoặc da**

chưa có dữ liệu

#### **Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

Kết quả: Bchứng tương đương.

Ghi chú: Đảo ngược histidin (Ames)

#### **Tác nhân gây ung thư**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính sinh sản**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại**

chưa có dữ liệu



## **Nguy hại hô hấp** chưa có dữ liệu

### **11.2 thông tin thêm**

RTECS: SJ7453000

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

---

## **Phần 12: Thông tin sinh thái học**

### **12.1 Độc tính**

chưa có dữ liệu

### **12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**

chưa có dữ liệu

### **12.3 Khả năng tích lũy sinh học**

chưa có dữ liệu

### **12.4 Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

### **12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB**

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

### **12.6 Đặc tính phá vỡ nội tiết**

chưa có dữ liệu

### **12.7 Các tác hại khác**

chưa có dữ liệu

---

## **Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy**

### **13.1 Các phương pháp xử lý chất thải**

#### **Sản phẩm**

Đưa ra các giải pháp mở rộng và không tái chế cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép.

#### **Bao bì nhiễm độc**

Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.







trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem [www.sigma-aldrich.com](http://www.sigma-aldrich.com) và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ [mlsbranding@sial.com](mailto:mlsbranding@sial.com).

